Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8540.89.00

Mã HS	8540.89.00
Mô tả hàng hóa	Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình) / - Đèn điện tử và ống điện tử khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	13/11/2026 16:19:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85408900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15970
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15970
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15970
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15313
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15242
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15242
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15242
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15242
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15242
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15242
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15298
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15298
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15298
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15298

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15298
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15298
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15299
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15299
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15299
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15299
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15299
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15299
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15300
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15248
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15256
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15256
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15256
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15256
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15256
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15256
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15296
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15296
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15296
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15296
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15296
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15296
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15358
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15358
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15358
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15358

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15358
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15358
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15332
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15332
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15332
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15332
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15332
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15332
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15335
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15335
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15335
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15335
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15335
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15335
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15341
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15341
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15341
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15341
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15341
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15341
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15340
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15340
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15340
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15340
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15340
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15340

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15329
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15329
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15329
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15329
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15329
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15329
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15329
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15323
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15323
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15323
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15323
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15323
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15323
RCEP B	2022	2022	0	B!D15323
RCEP B	2023	2023	0	B!E15323
RCEP B	2024	2024	0	B!F15323
RCEP B	2025	2025	0	B!G15323
RCEP B	2026	2026	0	B!H15323
RCEP B	2027	2027	0	B!I15323
RCEP C	2022	2022	0	C!D15323
RCEP C	2023	2023	0	C!E15323
RCEP C	2024	2024	0	C!F15323
RCEP C	2025	2025	0	C!G15323
RCEP C	2026	2026	0	C!H15323
RCEP C	2027	2027	0	C!I15323
RCEP D	2022	2022	0	D!D15322

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15322
RCEP D	2024	2024	0	D!F15322
RCEP D	2025	2025	0	D!G15322
RCEP D	2026	2026	0	D!H15322
RCEP D	2027	2027	0	D!I15322
RCEP E	2022	2022	0	E!D15326
RCEP E	2023	2023	0	E!E15326
RCEP E	2024	2024	0	E!F15326
RCEP E	2025	2025	0	E!G15326
RCEP E	2026	2026	0	E!H15326
RCEP E	2027	2027	0	E!I15326
RCEP F	2022	2022	0	F!D15323
RCEP F	2023	2023	0	F!E15323
RCEP F	2024	2024	0	F!F15323
RCEP F	2025	2025	0	F!G15323
RCEP F	2026	2026	0	F!H15323
RCEP F	2027	2027	0	F!I15323
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14291
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14291
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14291
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14291

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8540.89.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8540.89.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15970), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.